Bài 2: a. Hãy tìm 5 từ ghép, 5 từ láy nói về tình cảm, phẩm chất của con người. Đặt 1 câu với một trong số những từ vừa tìm được ở trên.

b. Tìm 3 cặp từ trái nghĩa nói về việc học hành. Hãy đặt 1 câu với 1 trong 3 cặp từ trái nghĩa ấy.

Bài 3: Tìm những tiếng có thể kết hợp với lễ để tạo thành từ ghép. Tìm từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với từ "lễ phép".

Bài 4: Cho các kết hợp hai tiếng sau: xe đạp, xe máy, xe cộ, máy bay, đạp xe, xe kéo, kéo xe, khoai nướng, khoai luộc, luộc khoai, múa hát, tập hát, tập múa, bánh rán, rán bánh, bánh kẹo.

Hãy:

a. Xác định những kết hợp nào trong các kết hợp trên là từ ghép.

b. Phân loại các từ ghép đó.

Bài 5: "Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn".

a. Tìm các tính từ có trong câu văn.

b. Nhận xét về từ loại của các từ "cái béo, mùi thơm".

Bài 6: Hãy tách thành các từ loại (DT, ĐT, TT) trong đoạn thơ sau:

Bút chì xanh đỏ
Em gọt hai đầu
Em thử hai màu
Xanh tươi, đỏ thắm
Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát.

Bài 7: Tìm DT, ĐT, TT có trong khổ thơ sau:

Em mơ làm gió mát
Xua bao nỗi nhọc nhằn
Bác nông dân cày ruộng
Chú công nhân chuyên cần.

Bài 8: Hãy tìm hai thành ngữ, tục ngữ nói về quê hương đất nước. Giải thích và đặt câu với thành ngữ, tục ngữ vừa tìm được.

Bài 9: Xác định từ đơn, từ ghép trong đoạn thơ sau:

"Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy

Có lời mẹ hát
Ngọt bùi hôm nay"

Bài 10: Xác định từ loại của các từ sau: niềm vui, vui tươi, vui chơi, yêu thương, đáng yêu, tình yêu, thương yêu, dễ thương.

Bài 11:

Bóng mây
Hôm nay trời nắng chang chang
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
Ước gì em hoá đám mây
Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm

Đọc bài thơ trên, em thấy được những nét gì đẹp về tình cảm của người con đối với mẹ.

A5: Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - trò chơi

Bài 1: Viết tên các trò chơi cho trong ngoặc đơn vào từng cột cho phù hợp: (chuyền thẻ, ô ăn quan, nhảy dây, kéo co, cướp cờ, nhảy lò cò, trốn tìm, cờ vua, tam cúc, chim bay cò bay, mèo đuổi chuột).

A Trò chơi rèn luyện sức khoẻ	B Trò chơi luyện trí tuệ	C Trò chơi rèn luyện sự khéo léo

Bài 2: Điền tiếp vào chỗ trống các từ chỉ tên trò chơi

a. Tên 3 trò chơi bắt đầu bằng danh từ

VD: cờ vua

b. Tên 3 trò chơi bắt đầu bằng động từ

VD: nhảy dây.

Bài 3: Chọn thành ngữ, tục ngữ thích hợp để khuyên bạn:

a. Nếu bạn em chơi với một số bạn hư nên học kém hẳn đi.

b. Nếu bạn em thích trèo lên một chỗ cao chênh vênh, rất nguy hiểm để tỏ ra là mình gan dạ.

A6: Mở rộng vốn từ: Tài năng

Bài 1: Viết tiếp 3 từ ngữ nói về tài năng của con người.

Tài năng, nghệ thuật....

Bài 2: Mỗi từ ngữ, tục ngữ sau nói về tài năng gì của con người.

a. Thay trời làm mưa

b. Nghiêng đồng đổ nước ra sông

c. Nước lã mà vã nên hồ

d. Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

Bài 3: Viết đoạn văn khoảng 3 - 4 câu nói về 1 người có tài năng mà em biết.

A7: Mở rộng vốn từ: Sức khoẻ

Bài 1: Tìm các từ ngữ:

- Chỉ những hoạt động có lợi cho sức khoẻ.
- Chỉ những đặc điểm của một cơ thể khoẻ mạnh.

Bài 2: Kể tên các môn thể thao mà em biết.

Bài 3: Các từ ngữ nào nói về vẻ bên ngoài của một người khoẻ mạnh:

a. rắn rỏi
b. rắn chắc
c. mảnh khảnh
d. xương xương
e. lực lưỡng
g. vạm vỡ
h. lêu đêu
i. cường tráng

Bài 4: Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các thành ngữ sau:

a. Khoẻ như.....
b. Nhanh như.....

Bài 5: Câu tục ngữ sau nói lên điều gì?

Ăn được ngủ được là tiên
Không ăn không ngủ mất tiền mà lo.

Bài 6: Các thành ngữ nào nói về tình trạng sức khoẻ của con người:

a. Khoẻ như trâu
b. Chậm như sên
c. Một tay xách nhẹ
d. Khôn nhà dại chợ
e. Xanh như tàu lá
g. Liệt giường liệt chiếu.

Bài 7: Trong bài "Hạt gạo làng ta' nhà thơ Trần Đăng Khoa viết:

Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy.

Đoạn thơ giúp em hiểu được ý nghĩa gì của hạt gạo? Hãy nói rõ tác dụng của điệp ngữ và hình ảnh đối lập được sử dụng trong đoạn thơ trên.

B6: Sắp xếp từ theo nhóm

Bài 1: Cho các từ sau: núi đồi, rực rỡ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đánh đập.

Hãy sắp xếp những từ trên thành các nhóm theo 2 cách:

a. Dựa vào cấu tạo (từ đơn, từ láy, từ ghép).
b. Dựa vào từ loại (DT, ĐT, TT).

Bài 2: Cho các từ: gầm, vồ, tha, rượt, cắn, chộp, quắp, đuổi, ngoạm, rống

a. Hãy xếp các từ trên thành những nhóm từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với nhau.

b. Nêu nghĩa chung của từng nhóm từ đã phân loại nói trên.

Bài 3: Xếp các từ sau thành những cặp từ trái nghĩa: cười, gọn gàng, mới, hoang phí, ồn ào, khéo, đoàn kết, cũ, nhanh nhẹn, bừa bãi, khóc, lặng lẽ, chia rẽ, chậm chạp, vụng, tiết kiệm.

Bài 4: Dựa vào nghĩa của tiếng "cảnh" hãy xếp các từ: thắng cảnh, cảnh cáo, phong cảnh, cảnh vật, cảnh giác, cảnh tỉnh thành 2 nhóm và cho biết nghĩa của tiếng "cảnh" trong mỗi nhóm.

Bài 5: Xếp các từ sau thành 2 nhóm và đặt tên cho mỗi nhóm (xếp theo ý nghĩa): Ngoan, cao lớn, hiền lành, mảnh mai, lực lưỡng, điềm đạm, chất phác, ngây thơ, hiếu thảo, gầy gò, rắn rỏi, xương xương.

Bài 6: Căn cứ vào nghĩa của từ hãy phân các từ dưới đây thành 4 nhóm từ cùng nghĩa, gần nghĩa: Tổ Quốc, thương yêu, kính yêu, non sông, đất nước, thanh bạch, anh hùng, gan dạ, yêu thương, giang sơn, anh dũng, thanh đạm, xứ sở, yêu mến, dũng cảm, non nước, quý mến, thanh cao, can đảm, quê hương.

Bài 7: Hãy xếp các từ sau thành 2 nhóm và đặt tên cho mỗi nhóm: ngoằn ngoèn, khúc khích, đủng đỉnh, lêu nghêu, vi vu, líu lo, thiết tha, sừng sững, rì rầm, cheo leo.

Bài 8: Cho 1 số từ sau: vạm vỡ, trung thực, đôn hậu, tầm thước, mảnh mai, béo thấp, trung thành, gầy, phản bội, khoẻ, cao, yếu, hiền, cứng rắn, giả dối.

Hãy:

a. Dựa vào nghĩa xếp các từ trên vào 2 nhóm và đặt tên cho từng nhóm.

b. Tìm các cặp từ trái nghĩa trong mỗi nhóm.

Bài 9: Căn cứ vào nội dung của thành ngữ, hãy phân tích thành 3 nhóm, đặt tên cho mỗi nhóm:

Quê cha đất tổ, tóc bạc da mồi, giang sơn gấm vóc, cày sâu cuốc bẫm, trên kính dưới nhường, chôn rau cắt rốn, non xanh nước biếc, chân lấm tay bùn, đắp đập be bờ, mang nặng đẻ đau, thương con quý cháu, hai sương một nắng, thẳng cánh cò bay.

B7: Xác định chủ ngữ, vị ngữ

Bài 1: Xác định CN, VN trong mỗi câu sau:

a. Tiếng cá quẫy tũng toẵng xôn xao quanh mạn thuyền.

b. Những chú gà nhỏ như những hòn tơ lăn tròn trên bãi cỏ.

c. Học quả là khó khăn, vất vả.

Bài 2: Chữa lại mỗi câu sai ngữ pháp dưới đây bằng 2 cách: Thêm từ ngữ, bớt từ ngữ:

a. Trên khuôn mặt bầu bĩnh, hồng hào, sáng sủa.

b. Để chi đội 5A trở nên vững mạnh, dẫn đầu toàn liên đội.

c. Qua bài thơ bộc lộ tình yêu quê hương đất nước sâu nặng.

d. Khi những hạt mưa đầu xuân nhè nhẹ rơi trên lá non.

e. Mỗi đồ vật trong căn nhà nhỏ bé, đơn sơ mà ấm cúng.

Bài 3: Tìm CN, VN:

a. Tiếng suối chảy róc rách.

b. Lớp thanh niên ca hát, nhảy múa. Tiếng chuông, tiếng cồng, tiếng đàn tơ rưng vang lên.

c. Ngày tháng đi thật chậm mà cũng thật nhanh.

d. Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân đua nhau toả mùi thơm.

e. Mùa xuân là Tết trồng cây.

g. Con hơn cha là nhà có phúc.

h. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

Bài 4: "Cả thung lũng giống như một bức tranh thuỷ mặc. Những sinh hoạt của ngày mới bắt đầu. Trong rừng, thanh niên gỡ bẫy gà, bẫy chim. Phụ nữ giặt giũ bên những giếng nước. Em nhỏ đùa vui trước nhà sàn. Các cụ già chụm đầu bên những ché rượu cần. Các bà, các chị sửa soạn khung cửi".

a. Tìm câu kể Ai - làm gì trong đoạn văn.

b. Xác định CN, VN của các câu vừa tìm.

Bài 5: a. Tìm câu kể Ai - làm gì trong đoạn văn.

b. Xác định CN, VN của các câu vừa tìm.

"Đêm trăng - Biển yên tĩnh. Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau ca hát, thổi sáo. Bỗng biển có tiếng động mạnh. Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui".

Bài 6: Điền thêm vào chỗ trống để thành câu hoàn chỉnh theo kiểu câu "Ai - làm gì?"

Anh ấy.....

Cả tôi và Hùng.....

..... sửa lại bồn hoa.

..... đang chuẩn bị bữa cơm chiều.

Bài 7: a. Tìm câu kể Ai - thế nào trong đoạn văn sau

b. Xác định CN, VN của các câu vừa đó.

"Ngoài giờ học, chúng tôi tha thẩn bên bờ sông bắt bướm. Những con bướm đủ hình dáng, đủ màu sắc. Con xanh biếc pha đen như nhung. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa. Con bướm quạ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xỉn. Bướm trắng bay theo đàn líu ríu như hoa nắng".

Bài 8: "Ruộng rẫy là chiến trường
Cuốc cày là vũ khí
Nhà nông là chiến sĩ
Hậu phương thi đua với tiền phương".

a. Trong các câu trên, câu nào có dạng "Ai - là gì".

b. Xác định CN, VN câu vừa tìm.

Bài 9: Tìm CN, VN ở những câu có dạng Ai - là gì trong bài thơ:

Nắng
Bông cúc là nắng làm hoa'
Bướm vàng là nắng bay xa lượn vòng
Lúa chín là nắng của đồng
Trái thị, trái hồng... là nắng của cây.

Bài 10: Xác định CN của các câu kể Ai - là gì?

a. Trẻ em là tương lai của đất nước.

b. Mạng lưới kênh rạch chằng chịt là mạch máu cung cấp nước cho cả vùng vựa lúa Nam Bộ.

Bài 11: Viết tiếp vào chỗ trống các từ ngữ thích hợp để tạo thành câu kể Ai là gì?

a..... là người được toàn dân kính yêu và biết ơn.

b..... là những người đã cống hiến đời mình cho sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc.

c..... là người tiếp bước cha anh xây dựng Tổ Quốc Việt Nam ngày càng giàu đẹp.

Bài 12: Xác định các bộ phận CN, VN, trạng ngữ trong mỗi câu sau:

a. Sáng sớm, bà con trong các thôn đã nườm nượp đổ ra đồng.

b. Đêm ấy, bên bếp lửa hồng ba người ngồi ăn cơm với thịt gà rừng.

c. Sau những cơn mưa xuân, một màu xanh non ngọt ngào thơm mát trải ra mênh mông trên khắp các sườn đồi.

d. Đứng trên mui vững chắc của chiếc xuồng máy, người nhanh tay có thể với lên hái được những trái cây trĩu xuống từ hai phía cù lao.

Bài 13: Xác định các bộ phận CN, VN, trạng ngữ trong mỗi câu sau:

a. Hồi còn đi học, Hải rất say mê âm nhạc. Từ cái căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô.

b. Nhờ có bạn bè giúp đỡ, bạn Hoà đã có nhiều tiến bộ trong học tập.

c. Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, cả nhà ngồi luộc bánh chưng, trò chuyện đến sáng.

d. Buổi sớm, ngược hướng chúng bay đi tìm ăn và buổi chiều theo hướng chúng bay về ổ, con thuyền sẽ tới được bờ.

e. Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông cá sấu cản trước mũi thuyền, trên cạn hổ rình xem hát này, con người phải thông minh và giàu nghị lực.

Bài 14: Xác định các bộ phận CN, VN, trạng ngữ trong mỗi câu sau:

a. Ngoài đường, tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.

b. Trên bãi cỏ rộng các em bé xinh xắn nô đùa vui vẻ.

c. Mùa xuân, những tán lá xanh um, che mát cả sân trường.

d. Giữa đồng bằng xanh ngắt lúa xuân, con sông Nậm Rốn trắng sáng có khúc ngoằn ngòeo, có khúc trườn dài.

e. Rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran.

g. Những khi đi làm nương xa, chiều không về kịp, mọi người ngủ lại trong lều.

h. Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

i. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà, biển đổi sang màu xanh lục.

k. Trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai tì xuống đón đường bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím.

l. Trong bóng nước láng trên cát như gương, những con chim bông biển trong suốt như thuỷ tinh lăn tròn trên những con sóng.

m. Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vằng vặc.

n. Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân đua nhau toả mùi thơm.

o. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

A8: Mở rộng vốn từ: Cái đẹp

Bài 1: Điền vào mỗi cột B từ ngữ tả vẻ đẹp bên ngoài của con người:

A Vẻ đẹp của hình dáng	B Vẻ đẹp của khuôn mặt	C Vẻ đẹp của đôi mắt

Bài 2: Những từ ngữ nào chỉ vẻ đẹp về tâm hồn, tính cách của con người:

a. thật thà b. tế nhị c. dịu hiền d. cởi mở

e. thon thả g. cao ráo h. sáng suốt i. độ lượng

Bài 3: Đặt câu với 1 từ vừa tìm được ở bài 1, 2

Bài 4: Những từ ngữ nào tả vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên hoặc của phong cảnh:

a. hùng vĩ	b. xanh biếc	c. đỏ rực	d. đen ngòm
e. trắng suốt	g. sừng sững	h. nên thơ	i. yểu điệu

Bài 5: Tìm thành ngữ hoặc tục ngữ nói về:

a. Vẻ đẹp bên ngoài của con người.

b. Vẻ đẹp của sông núi.

Bài 6: Viết tiếp vào chỗ trống từ ngữ chỉ vẻ đẹp truyền thống của nhân dân ta.

Cần cù lao động, dũng cảm đánh giặc ngoại xâm.....

Bài 7: Những từ ngữ nào chỉ vẻ đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam:

a. Chịu thương chịu khó.

b. Hết lòng vì gia đình, con cái.

c. Đảm đang việc nhà

d. Tự tin

e. Yêu nước

g. Dịu hiền

h. Mạnh dạn trong công việc

i. Đòi bình đẳng với nam giới.

Bài 8: Những từ ngữ nào có thể ghép với từ "đẹp" để chỉ mức độ cao của cái đẹp:

a. Nhất	b. Mĩ mãn	c. Tuyệt trần	d. Mê hồn
e. Mê li	g. Khôn tả	h. Tuyệt tác	i. Kinh hồn

Bài 9: Những thành ngữ, tục ngữ nào nói về vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất của con người.

a. Thương người như thể thương thân

b. Nói ngọt lọt đến xương.

c. Mắt phượng mày ngài.

d. Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.

A9: Mở rộng vốn từ: Dũng cảm

Bài 1: Tìm những từ gần nghĩa với từ "dũng cảm" trong các từ dưới đây:

"dũng cảm, gan dạ, tha thiết, hoà thuận, hiếu thảo, anh hùng, anh dũng, chăm chỉ, lễ phép, chuyên cần, can đảm, can trường, thân thiết, gan góc, gan lì, tận tuy, tháo vát, thông minh, bạo gan, quả cảm"

Bài 2: Những từ nào trái nghĩa với từ "dũng cảm"

a. gan lì	b. hèn nhát	c. yếu đuối	d. tự ti
e. nhát gan	g. run sợ	h. bi quan	i. trốn tránh

Bài 3: Những hành động nào thể hiệ con người có lòng dũng cảm.

a. Chống lại cái ác, bênh vực lẽ phải.

b. Trả lại của rơi cho người đánh mất.

c. Không quản nguy hiểm cứu người gặp nạn.

d. Dám nói lên sự thật dù bị kẻ xấu cố che giấu.

e. Không nhận sự thương hại của người khác.

Viết đoạn văn (5 - 7 câu) nói về 1 tấm gương dũng cảm chống giặc của nhân dân ta trong đó có dùng 2 - 3 từ gần nghĩa với từ "dũng cảm".

Bài 5: Thành ngữ nào nói về lòng dũng cảm:

a. Thức khuya dậy sớm

b. Một mất một còn.

c. Vào sinh ra tử

d. Cày sâu cuốc bẫm

đ. Đứng mũi chịu sào

e. Lấp biển vá trời.

g. Gan vàng dạ sắt

h. Nhường cơm sẻ áo

i. Ba chìm bảy nổi

k. Chân lấm tay bùn.

Bài 6: Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm được ở bài 5.

Bài 7:

"Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con"

Em thấy đoạn thơ trên có những hình ảnh nào đẹp? Hãy nêu ý nghĩa đẹp đẽ và sau sắc của những hình ảnh đó.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện

Đề 1: Kể lại một câu chuyện nói về sự giúp đỡ của em đối với người khác (hoặc sự giúp đỡ của người khác với em) và bộc lộ cảm nghĩ của mình.

Gợi ý

- Nêu rõ được sự việc giúp đỡ người khác (hoặc người khác giúp đỡ mình) thông qua những chi tiết cụ thể, sinh động và diễn biến hợp lí.

- Bộc lộ được cảm nghĩ của bản thân qua sự việc đã làm (hoặc người khác làm cho mình).

Đề 2: Em hãy kể một câu chuyện từng để lại ấn tượng đẹp đẽ về tình bạn dưới mái trường tiểu học